

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÒA BÌNH**

Số: /GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hòa Bình, ngày tháng năm 202

## **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 479/TTr-STNMT ngày 03 tháng 11 năm 2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị; địa chỉ trụ sở chính: Đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Khu nhà ở tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình” tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án**

1.1. Tên dự án: Khu nhà ở tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp số 0101042990 đăng ký lần đầu ngày 03/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/07/2020.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 0101042990.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Tổng diện tích đất là: 80.157,2 m<sup>2</sup> trong đó diện tích đã được giao đất đợt 1 là 70.896,4m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công), dự án đầu tư nhóm II (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

- Công suất: Cung cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị (san nền, kè đất, đường giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước, điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, cây xanh, thông tin liên lạc,...) phục vụ cho khu dân cư với khoảng 1.300 người.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2:** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký giấy phép.

**Điều 4:** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Lương Sơn và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Khu nhà ở tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn” của Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, KH&CN;
- UBND huyện Lương Sơn;
- UBND thị trấn Lương Sơn;
- Công Thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị (*Trung tâm phục vụ HCC tỉnh, trả kết quả*);
- Chánh, Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Hg).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Quách Tất Liêm**

**Phụ lục 1**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC  
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 202  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI****1. Nguồn phát sinh nước thải**

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, nhân viên và người dân.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

Dòng nước thải số 01: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150m<sup>3</sup>/ngày đêm, đạt cột A, k=1, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt được phép xả ra suối Đồng Bái.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Đồng Bái.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: suối Đồng Bái thuộc địa phận xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106<sup>0</sup> múi chiếu 3<sup>0</sup>): X(m) = 2308765,54; Y(m) = 451558,99

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 150 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, k=1) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1)	Quan trắc tự động, liên tục, định kỳ
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục, định kỳ (Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	30	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	500	
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30	

8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10	
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	
11	Coliforms	MPN/100ml	3000	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa chảy tràn, nước thải

- Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ bề mặt của dự án được thu gom vào hệ thống thu gom nước mưa (là các tuyến cống tròn BTCT D400-D1200, các hố ga, hố thu nước mưa), sau đó chảy ra suối Đồng Bái.

- Nước thải xí tiêu từ các hộ gia đình, các công trình công cộng đều được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó cùng với nước thải từ khu nhà bếp, nước thải tắm giặt được thu gom thoát vào các tuyến ống chờ uPVC D110, tổng chiều dài khoảng 1.327m nối từ các lô đất vào hệ thống thu gom nước thải của dự án. Hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà của dự án gồm các tuyến cống tròn BTCT D300 tổng chiều dài 2.216m và các tuyến cống BTCT D400 tổng chiều dài 195m dẫn chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể tách dầu, lắng cát → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Hố ga kiểm soát → Nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, k=1) → Xả ra suối Đồng Bái.

- Thể tích các bể: Bể thu gom:  $0,96 \times 0,96 \times 2,69 \text{m} = 2,48 \text{m}^3$ ; Bể tách dầu, lắng cát:  $2 \times 2 \times 2,2 = 8,8 \text{m}^3$ ; Bể điều hòa:  $5,6 \times 5,2 \times 2,35 \text{m} = 68,432 \text{m}^3$ ; Bể thiếu khí:  $5,2 \times 3,8 \times 2,35 \text{m} = 46,436 \text{m}^3$ ; Bể hiếu khí:  $5,24 \times 5,2 \times 2,35 \text{m} = 64,033 \text{m}^3$ ; Bể lắng:  $5,24 \times 4,4 \times 2,35 \text{m} = 54,182 \text{m}^3$ ; Bể trung gian:  $4,4 \times 3,8 \times 2,35 = 39,292 \text{m}^3$ ; Bồn lọc áp lực:  $\text{Ø } 0,55 \text{m} \times 1,65 \text{m} = 0,39 \text{m}^3$ ; Bể khử trùng:  $4,4 \times 2,8 \times 2,35 \text{m} = 28,952 \text{m}^3$ ; Bể chứa bùn:  $4,4 \times 2,8 \times 2,35 \text{m} = 28,952 \text{m}^3$ ; Hố ga kiểm soát:  $0,96 \times 0,96 \times 1,11 = 1,02 \text{m}^3$ .

- Công suất: 150 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Men vi sinh, PAC, Javen

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### 1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Sử dụng loại ống PVC, BTCT có đường kính phù hợp, độ bền cao. Bố trí đường ống tại những vị trí hạn chế bị va đập, dễ thay thế và định kỳ kiểm tra. Định kỳ nạo vét hố ga và hệ thống thống thu gom thoát nước thải, đảm bảo không gây tắc nghẽn hệ thống.

- Khi xảy ra sự cố vỡ đường ống nhanh chóng thông báo bằng loa yêu cầu dừng các hoạt động xả nước thải tại các vị trí phát sinh sự cố. Dự trữ sẵn các đường ống thoát nước để khi xảy ra sự cố có thể nhanh chóng khắc phục.

- Khi xảy ra sự cố tắc nghẽn đường ống nhanh chóng thông báo bằng loa yêu cầu dừng các hoạt động xả nước thải. Tìm vị trí tắc nghẽn và thực hiện các biện pháp khơi thông. Đối với trường hợp vượt quá khả năng tự xử lý sẽ liên hệ với đơn vị có chức năng thực hiện các biện pháp khơi thông.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố thường gặp trong hệ thống xử lý nước thải; sự cố thường gặp đối với máy móc thiết bị theo đúng hướng dẫn của đơn vị thi công hệ thống xử lý.

- Bố trí cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo vận hành đúng quy trình của hệ thống đã xây dựng. Khi sự cố xảy ra phải rà soát lại toàn bộ các thông số vận hành để điều chỉnh theo đúng thiết kế. Các sự cố phát sinh ngoài khả năng tự xử lý thì báo ngay cho đơn vị xây dựng hệ thống xử lý tiến hành sửa chữa kịp thời.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố: Thông báo cho các hộ dân, các đơn vị thứ cấp dừng các hoạt động xả nước thải không cần thiết; Tắt bơm nước thải ra môi trường, không xả nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường; Nước thải sẽ lưu giữ tại các bể gom, bể điều hòa và thực hiện các biện pháp khắc phục. Thuê đơn vị chức năng đến thu gom và xử lý nước thải (trường hợp gặp sự cố cần nhiều thời gian sửa chữa) đến khi hệ thống đi vào hoạt động bình thường.

- Báo cáo các cơ quan có chức năng về môi trường khi xảy ra các sự cố lớn để có biện pháp khắc phục kịp thời.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ ngày đủ điều kiện vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất xử lý 150 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu:**

- Nước thải trước xử lý lấy tại bể thu gom.
- Mẫu nước thải sau xử lý lấy tại hố ga kiểm soát.

### **2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm**

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả ra ngoài môi trường theo quy định tại mục 2.3.3 của Phần A phụ lục này.

### **2.3. Tần suất lấy mẫu**

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: Quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, công trình xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Trong quá trình hoạt động, trường hợp các công trình xử lý nước thải gặp sự cố, chủ dự án phải thực hiện ngay các biện pháp khắc phục sự cố, báo cáo cơ quan chức năng về môi trường trong trường hợp cần thiết để được hướng dẫn, giải quyết theo quy định.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

---

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMТ-UBND ngày tháng năm 202  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

**1.1. Mạng lưới thu gom mùi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung**

- Khí thải từ các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung (bể điều hòa và bể hiếu khí) được quạt hút hút theo đường ống PVC D160 về thiết bị xử lý mùi sau đó theo đường ống PVC D160 dẫn ra phía sau nhà điều hành của trạm xử lý nước thải.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải**

- Tóm tắt quy trình xử lý: Khí thải → Quạt hút → Tháp xử lý mùi (hấp phụ bằng than hoạt tính) → đường ống PVC D160 dẫn ra phía sau nhà điều hành.

- Các công trình xử lý khí thải:

+ Quạt hút ly tâm: 01 cái, công suất: 4kw/h, lưu lượng gió: 6000m<sup>3</sup>/h

+ Tháp xử lý mùi 01 chiếc, đường kính 0,8m, chiều cao 2,0m.

**1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục**

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan quan trắc khí thải tự động, liên tục.

**1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa**

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị thu gom, xử lý mùi và ghi chép nhật ký vận hành

- Định kỳ 3 tháng/lần duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý, các thiết bị điện (quạt hút) và hàng tuần kiểm tra các môi hàn, các điểm tiếp nối để tránh rò rỉ.

- Định kỳ thay thế than hoạt tính với tần suất 1 năm/lần.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

**3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường**

Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom xử lý khí thải./.

---



**Phụ lục 3****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 202  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên**

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Số lượng (kg/năm)</b>	<b>Mã CTNH</b>
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	12	18 02 01
2	Pin, ắc quy chì thải	12	16 01 12
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (bao gồm cả đèn led)	24	16 01 13
4	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	6	17 02 03
5	Hộp chứa mực in thải	6	08 02 04
6	Bao bì mềm thải	12	18 01 01
7	Bao bì kim loại cứng thải	12	18 01 02
8	Bao bì nhựa cứng thải	120	18 01 03
9	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	175	12 01 04
	<b>Tổng cộng</b>	<b>379</b>	

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh**

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
1	Rác thải sinh hoạt (thức ăn thừa, vỏ hoa quả, túi nilon, giấy báo, vỏ hộp,...)	427.050
2	Vật liệu lọc tại bồn lọc áp lực của hệ thống xử lý nước thải (sỏi, cát thạch anh, than hoạt tính)	1.190
3	Bùn thải từ bể tự hoại	56.940
4	Bùn dư từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	14.975
5	Bùn thải từ hệ thống thu gom và thoát nước mưa	37.548
6	Rác thải sân đường (lá cây, bụi đường)	240.108
	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>777.811</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải thông thường, chất thải nguy hại****2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 09 thùng đựng chất thải nguy hại bằng nhựa, có nắp

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 7,2 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có sàn đổ BTCT; tường bít tôn tựa vào khung thép hộp; mái lợp tôn trên hệ xà gồ thép; cửa đi thép hộp bít tôn phẳng, rãnh chống tràn nước.

- Khu vực lưu giữ CTNH trang bị các dụng cụ, thiết bị vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

## 2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Thùng đựng rác chuyên dụng.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt.

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

---

**Phụ lục 4**

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 202  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng quy định của pháp luật.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép môi trường đã được cấp phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, qua Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, giải quyết theo quy định./.

---